

Số: 95 /QĐ-ĐHSKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức học phí từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2020 – 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SỰ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐ ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội về việc qui định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP, ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2020 – 2021;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 04/11/2015 của Hội đồng xây dựng mức học phí từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2020 – 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức học phí của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long từ năm học 2015 – 2016 đến hết năm học 2020 – 2021 (có quy định kèm theo);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/12/2015 và thay thế các quy định trước đó liên quan đến vấn đề này;

Điều 3. Trường các Phòng, Khoa liên quan và sinh viên của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu PĐT.

QUY ĐỊNH MỨC HỌC PHÍ TỪ NĂM HỌC 2015 – 2016 ĐẾN HẾT NĂM HỌC 2020 – 2021

(Kèm theo Quyết định số 95 /QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 04 tháng 11 năm 2015)

Hệ đào tạo	Năm học					
	2015 – 2016	2016 – 2017	2017 – 2018	2018 – 2019	2019 – 2020	2020 – 2021
I. Đại học chính quy						
1. Nhóm các ngành Sư phạm						
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	0	0	0	0	0	0
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	0	0	0	0	0	0
2. Nhóm các ngành ngoài Sư phạm						
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	160.000đ/tín chỉ	170.000đ/tín chỉ	190.000đ/tín chỉ	210.000đ/tín chỉ	230.000đ/tín chỉ	250.000đ/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	180.000đ/tín chỉ	200.000đ/tín chỉ	220.000đ/tín chỉ	250.000đ/tín chỉ	275.000đ/tín chỉ	300.000đ/tín chỉ
II. Cao đẳng						
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	120.000đ/tín chỉ	130.000đ/tín chỉ	140.000đ/tín chỉ	160.000đ/tín chỉ	170.000đ/tín chỉ	190.000đ/tín chỉ
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	140.000đ/tín chỉ	150.000đ/tín chỉ	170.000đ/tín chỉ	190.000đ/tín chỉ	210.000đ/tín chỉ	230.000đ/tín chỉ
III. Cao đẳng nghề						
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	300.000đ/tháng	330.000đ/tháng	360.000đ/tháng	400.000đ/tháng	440.000đ/tháng	490.000đ/tháng
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	360.000đ/tháng	400.000đ/tháng	440.000đ/tháng	490.000đ/tháng	540.000đ/tháng	600.000đ/tháng
IV. Trung cấp nghề						
- Nhóm ngành kinh tế, quản lý, xã hội	260.000đ/tháng	290.000đ/tháng	320.000đ/tháng	360.000đ/tháng	400.000đ/tháng	450.000đ/tháng
- Nhóm ngành Công nghệ, kỹ thuật	310.000đ/tháng	350.000đ/tháng	390.000đ/tháng	440.000đ/tháng	490.000đ/tháng	550.000đ/tháng

Ghi chú:

- Mức học phí áp dụng từ ngày 01/12/2015
- Học phí hệ vừa học vừa làm = Học phí hệ chính quy tương ứng x 1.5 lần
- Học phí học lại cùng lớp khác của sinh viên trình độ Đại học = học phí của các nhóm ngành ngoài sư phạm tương ứng x 1.5 lần
- Học phí học lại cùng lớp khác của sinh viên trình độ Cao đẳng = học phí trình độ Cao đẳng tương ứng x 1.5 lần
- Học phí học lại cùng lớp khác của sinh viên hệ vừa học vừa làm = học phí hệ chính quy tương ứng tương ứng x 2 lần
- Học phí học lại cùng lớp khác của sinh viên trình độ Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề: 6.000 đồng/giờ/sinh viên